

ĐỀ CƯƠNG
GIỚI THIỆU NGHỊ ĐỊNH SỐ 55/2019/NĐ-CP
NGÀY 24/6/2019 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ HỖ TRỢ PHÁP LÝ
CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

Ngày 24 tháng 6 năm 2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 55/2019/NĐ-CP về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa¹ (sau đây gọi là Nghị định). Nghị định này có hiệu lực từ ngày 16 tháng 8 năm 2019. Sau đây là một số nội dung cơ bản của Nghị định.

I. SỰ CẦN THIẾT, MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG VÀ BỐ CỤC CỦA NGHỊ ĐỊNH

1. Sự cần thiết ban hành Nghị định

Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện các hoạt động để hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.² Trước khi Luật này có hiệu lực, hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nói chung, trong đó chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa (khoảng 97%)³, được quy định trong Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Quá trình triển khai thi hành Nghị định số 66/2008/NĐ-CP cũng có một số bất cập, thể hiện chi tiết trong Báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Nghị định này.⁴

Do đó, việc xây dựng, ban hành Nghị định số 55/2019/NĐ-CP về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa để quy định chi tiết hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, đồng thời để khắc phục các vướng mắc, bất cập của một số quy định trong Nghị định số 66/2008/NĐ-CP là cần thiết. Nghị định số 55/2019/NĐ-CP sẽ góp phần nâng cao

¹ Thay thế Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28/5/2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

² Khoản 3 Điều 14 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định: các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện các hoạt động sau đây để hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa: a) Xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về pháp luật; b) Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý để cung cấp thông tin, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tư vấn pháp luật. Đồng thời, khoản 4 Điều 14 Luật này quy định Chính phủ quy định chi tiết Điều này, bao gồm cả khoản 3 Điều 14.

³ Báo cáo ngày 11/4/2017 của Tổng cục Thống kê - Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố chỉ số phát triển doanh nghiệp đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2016.

⁴ Báo cáo số 319/BC-BTP ngày 28/12/2019 của Bộ Tư pháp về tổng kết 10 năm thi hành Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

chất lượng, hiệu quả của công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, đưa hoạt động hỗ trợ pháp lý này đi vào thực chất, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Mục tiêu, quan điểm chỉ đạo xây dựng Nghị định

2.1. Quy định chi tiết, đầy đủ các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo khoản 3 Điều 14 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2.2. Kế thừa và phát huy các quy định còn có giá trị, hợp lý; đồng thời khắc phục những bất cập, hạn chế của Nghị định số 66/2008/NĐ-CP.

2.3. Đảm bảo các quy định của Nghị định phải cụ thể, chi tiết, thiết thực, khả thi thiết lập được các cơ chế, nguồn lực đáp ứng nhu cầu hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp; tránh trùng lặp, lãng phí hay hình thức.

II. BỐ CỤC CỦA NGHỊ ĐỊNH

Nghị định gồm 4 Chương, 21 điều, cụ thể:

1. Chương I. Những quy định chung, gồm 4 điều (Điều 1 đến Điều 4).

2. Chương II. Hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, gồm 9 điều, được chia thành 2 mục:

- Mục 1. Xây dựng, quản lý, quy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu pháp luật, gồm 05 điều (Điều 5 đến Điều 9);

- Mục 2. Xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, gồm 04 điều (Điều 10 đến Điều 13).

3. Chương III. Trách nhiệm thực hiện hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, gồm 04 điều (Điều 14 đến Điều 17).

4. Chương IV. Điều khoản thi hành, gồm 04 điều (Điều 18 đến Điều 21).

So với Nghị định số 66/2008/NĐ-CP, Nghị định số 55/2019/NĐ-CP có nhiều hơn 4 điều và cấu trúc cũng có sự thay đổi khi tập trung các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Cấu trúc và nội dung như vậy phù hợp với quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và thực tiễn hỗ trợ pháp lý trong giai đoạn mới so với quy định về 05 hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp như quy định từ Điều 7 đến Điều 11 của Nghị định số 66/2008/NĐ-CP. Ngoài ra, Nghị định có một số điều khoản mới về quy định chuyên tiếp; quy định về hỗ trợ pháp lý cho đối tượng không phải là doanh nghiệp nhỏ và vừa (Điều 18, Điều 19).

III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh của Nghị định

Điều 1 Nghị định khẳng định: “Nghị định này quy định chi tiết các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức khác và cá nhân có liên quan trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.”

Mặc dù phạm vi điều chỉnh của Nghị định là quy định chi tiết khoản 3 Điều 14 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, một số đối tượng khác không phải là doanh nghiệp nhỏ và vừa nhưng cũng đã và đang được hỗ trợ pháp lý theo Nghị định số 66/2008/NĐ-CP (như hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã, doanh nghiệp lớn, tập đoàn, tổng công ty nhà nước). Các đối tượng này cũng cần được hỗ trợ pháp lý, nhưng phụ thuộc vào nguồn lực của bộ, cơ quan ngang bộ và chính quyền địa phương. Do đó, Điều 19 Nghị định đã quy định: “Tùy thuộc vào nguồn lực, các bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp có thể quyết định áp dụng các quy định về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa để hỗ trợ pháp lý cho tổ chức, cá nhân kinh doanh không phải là doanh nghiệp nhỏ và vừa”.

2. Nguyên tắc thực hiện hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

Để đảm bảo tính khả thi và hiệu quả của hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, Nghị định (Điều 4) xác định rõ 05 nguyên tắc thực hiện hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, gồm:

(i) Việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa có trọng tâm, có thời hạn, phù hợp với mục tiêu hỗ trợ và khả năng cân đối nguồn lực; bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả; không chồng chéo, trùng lặp;

(ii) Hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được thực hiện trên cơ sở phối hợp giữa cơ quan nhà nước với tổ chức đại diện của doanh nghiệp nhỏ và vừa; tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan;

(iii) Việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được ưu tiên thực hiện thông qua tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ hỗ trợ pháp lý;

(iv) Căn cứ nguồn lực, chương trình hỗ trợ, cơ quan, tổ chức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa quyết định hỗ trợ theo thứ tự ưu tiên như sau: (a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ hơn nộp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện được hỗ trợ trước; (b) Doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật; (c) Doanh nghiệp nhỏ và vừa nộp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện hỗ trợ trước được hỗ trợ trước;

(v) Nhà nước khuyến khích và có chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia thực hiện hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; huy động các nguồn lực xã hội đóng góp cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Các nguyên tắc của Nghị định được phát triển dựa trên các nguyên tắc hỗ trợ quy định trong Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (Điều 5), Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 10/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (Điều 4), phù hợp với hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

Nghị định quy định chi tiết hai nhóm hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo khoản 3 Điều 14 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, gồm: (i) Nhóm hoạt động xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về pháp luật (Điều 5 đến Điều 9); và (ii) Nhóm hoạt động xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (Điều 10 đến Điều 13).

3.1. Về nhóm hoạt động xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về pháp luật

Nghị định đã quy định chi tiết nhóm hoạt động xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về pháp luật, bao gồm 2 hoạt động chính liên quan: (i) cơ sở dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật (Điều 5); và (ii) cơ sở dữ liệu về vụ việc, vướng mắc pháp lý (gồm 03 dữ liệu: (1) bản án, quyết định của tòa án; phán quyết của trọng tài thương mại; quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; quyết định xử lý vi phạm hành chính liên quan đến doanh nghiệp; (2) văn bản trả lời của cơ quan nhà nước đối với vướng mắc pháp lý của doanh nghiệp nhỏ và vừa; và (3) văn bản tư vấn pháp luật của mạng lưới tư vấn viên pháp luật và thủ tục hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật) (các Điều 6, 7, 8 và 9).

3.1.1. Về xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật

Hiện nay các hoạt động liên quan đến cơ sở dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật đang được quy định chi tiết và thực hiện theo Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28/5/2015 của Chính phủ về cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.⁵ Do đó, Nghị định (Điều 5) chỉ viện dẫn đến Nghị định số

⁵ Điều 1 Nghị định số 52/2015/NĐ-CP quy định: “Nghị định này quy định về xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật; trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan nhà nước khác ở Trung ương (bao gồm Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước), Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân

52/2015/NĐ-CP hoặc văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định này. Ngoài ra, Nghị định quy định việc xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về điều ước quốc tế liên quan đến thương mại mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên được thực hiện theo Luật Điều ước quốc tế và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Luật này.

3.1.2. Xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về vụ việc, vướng mắc pháp lý

Cơ sở dữ liệu về vụ việc, vướng mắc pháp lý bao gồm: (i) Các bản án, quyết định của tòa án; phán quyết, quyết định của trọng tài thương mại; quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; quyết định xử lý vi phạm hành chính liên quan đến doanh nghiệp có hiệu lực thi hành và được phép công khai hoặc kết nối với cổng thông tin điện tử công khai các văn bản này (Điều 7); (ii) Các văn bản trả lời của bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các vướng mắc pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong quá trình áp dụng pháp luật (điều 8); và (iii) Các văn bản tư vấn pháp luật của mạng lưới tư vấn viên pháp luật đối với các vụ việc, vướng mắc pháp lý theo yêu cầu của doanh nghiệp nhỏ và vừa (Điều 9).

Cụ thể:

Thứ nhất, về xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật dữ liệu về bản án, quyết định của tòa án; phán quyết của trọng tài thương mại; quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; quyết định xử lý vi phạm hành chính liên quan đến doanh nghiệp

Đối với cơ sở dữ liệu này, một số văn bản quy phạm pháp luật hiện hành đã có các quy định về việc công bố công khai nhóm các văn bản nêu trên. Do đó, Nghị định (Điều 7) chỉ viện dẫn đến các văn bản quy phạm pháp luật này. Ngoài ra, Nghị định (khoản 5 Điều 7) yêu cầu bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cập nhật và đăng tải các bản án, quyết định của tòa án; phán quyết, quyết định của trọng tài thương mại; quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; quyết định xử lý vi phạm hành chính liên quan đến doanh nghiệp được phép công khai, có hiệu lực thi hành mà bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là một bên có liên quan lên cổng thông tin điện tử của mình hoặc kết nối với cổng thông tin điện tử công khai các văn bản này theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 7 Nghị định này.

Thứ hai, về xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật dữ liệu về văn bản trả lời của cơ quan nhà nước đối với vướng mắc pháp lý của doanh nghiệp nhỏ và vừa

cấp tỉnh) trong việc xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.”

Đối với cơ sở dữ liệu này, Nghị định (Điều 8) quy định Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời đối với vướng mắc pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong áp dụng chung về pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa phương do mình quản lý trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu; trường hợp vướng mắc phức tạp thì có thể trả lời trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Việc trả lời của cơ quan, nhà nước quy định tại Điều 8 Nghị định này không áp dụng đối với các yêu cầu của doanh nghiệp nhỏ và vừa về vụ việc cụ thể liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Trường hợp này, bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo cho doanh nghiệp để có thể sử dụng mạng lưới tư vấn viên pháp luật theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm hệ thống hóa, cập nhật dữ liệu về văn bản trả lời của bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương mình đối với vướng mắc pháp lý của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong áp dụng chung về pháp luật lên cổng thông tin điện tử của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày văn bản được ký ban hành.

Thứ ba, về xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật dữ liệu về văn bản tư vấn pháp luật của mạng lưới tư vấn viên pháp luật và thủ tục hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật

Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 10/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (Điều 13) đã quy định chi tiết khoản 2 Điều 14 Luật này về trách nhiệm “*Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, xây dựng mạng lưới tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa...*”. Nghị định số 55/2019/NĐ-CP (Điều 9) không quy định lại nội dung này mà chỉ tập trung quy định việc xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật dữ liệu về văn bản tư vấn pháp luật của mạng lưới tư vấn viên pháp luật. Cụ thể, doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận mạng lưới tư vấn viên pháp luật theo lĩnh vực quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ thông qua danh sách tư vấn viên pháp luật được đăng tải trên cổng thông tin của bộ, cơ quan ngang bộ đó.

Sau khi thỏa thuận dịch vụ tư vấn pháp luật với tư vấn viên pháp luật phù hợp thuộc mạng lưới tư vấn viên pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định, doanh nghiệp nhỏ và vừa gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng phương thức điện tử đến bộ, cơ quan ngang bộ đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật về vụ việc, vướng mắc.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định, bộ, cơ quan ngang bộ xem xét thông báo

bằng văn bản về việc đồng ý hoặc không đồng ý hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo nguyên tắc quy định tại Điều 4 và các quy định tại Nghị định. Trường hợp không đồng ý hỗ trợ chi phí thì phải nêu rõ lý do.

Trường hợp được bộ, cơ quan ngang bộ đồng ý hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật và sau khi có văn bản tư vấn pháp luật của tư vấn viên pháp luật thì doanh nghiệp nhỏ và vừa gửi hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí tư vấn pháp luật vụ việc, vướng mắc được hỗ trợ.

Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định, bộ, cơ quan ngang bộ thanh toán chi phí hỗ trợ tư vấn vụ việc, vướng mắc cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo đề nghị thanh toán; trường hợp nội dung văn bản tư vấn pháp luật không thuộc phạm vi tư vấn theo văn bản thỏa thuận cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật giữa tư vấn viên pháp luật và doanh nghiệp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 9 Nghị định thì bộ, cơ quan ngang bộ từ chối thanh toán chi phí và có văn bản thông báo với doanh nghiệp và tư vấn viên pháp luật.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán chi phí hỗ trợ tư vấn vụ việc, bộ, cơ quan ngang bộ gửi văn bản tư vấn pháp luật đã loại bỏ các thông tin về bí mật kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 9 Nghị định cho Bộ Tư pháp và Bộ Kế hoạch và Đầu tư để đăng tải lên Trang thông tin điện tử hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3.2. Về nhóm hoạt động xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

Để quy định chi tiết điểm b khoản 3 Điều 14 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, kế thừa các quy định hợp lý Nghị định số 66/2008/NĐ-CP và thực tiễn xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn 2010-2014 và giai đoạn 2015-2020,⁶ các chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa của một số bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Nghị định đã quy định chi tiết về 3 loại chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, gồm: (i) Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; (ii) Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi bộ, cơ

⁶ Quyết định số 585/QĐ-TTg ngày 05/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn năm 2010 - 2014 và Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 28/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện và điều chỉnh nội dung các dự án của Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn 2010 - 2014.

quan ngang bộ; và (iii) Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi địa phương cấp tỉnh. Cụ thể:

3.2.1. Về căn cứ xây dựng và các hoạt động của chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

Căn cứ xây dựng chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm: (i) Nhu cầu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong từng thời kỳ, ngành, lĩnh vực, địa phương; (ii) Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội và kế hoạch ban hành các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh; và (iii) Nguồn lực của bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp (khoản 1 Điều 10 Nghị định).

Các hoạt động của Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (khoản 2 Điều 10 Nghị định) bao gồm:

- Hoạt động cung cấp thông tin, bao gồm thông tin pháp luật trong nước, thông tin pháp luật nước ngoài, pháp luật quốc tế, cảnh báo rủi ro pháp lý và chính sách của ngành, lĩnh vực, địa phương liên quan đến doanh nghiệp nhỏ và vừa (nếu có);

- Hoạt động bồi dưỡng kiến thức pháp luật, bao gồm bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho người làm công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho mạng lưới tư vấn viên pháp luật;

- Hoạt động tư vấn pháp luật, bao gồm đối thoại, giải quyết các vướng mắc pháp lý cho doanh nghiệp và các hoạt động tư vấn pháp luật khác phù hợp với các quy định của pháp luật trên cơ sở nhu cầu của doanh nghiệp nhỏ và vừa và nguồn lực.

3.2.2. Về thời hạn thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa có thời hạn tối đa 05 năm kể từ ngày được phê duyệt (Điều 11 Nghị định).

3.2.3. Về xây dựng và phê duyệt chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

(i) Đối với chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp và tổ chức khác, cá nhân có liên quan xây

dựng chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

(ii) Đối với chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi bộ, cơ quan ngang bộ, bộ, cơ quan ngang bộ lồng ghép các nội dung của chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vào Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của bộ, cơ quan ngang bộ theo quy định tại Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hoặc văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định này.

(iii) Đối với chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi địa phương, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp, tổ chức khác và cá nhân có liên quan xây dựng và đề xuất chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi địa phương trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt (Điều 12 Nghị định).

3.2.4. Về triển khai thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

Sau khi chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện chương trình trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình hoặc giao cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có chức năng, nhiệm vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện. Cơ quan, tổ chức chủ trì thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ban hành và công bố công khai kế hoạch triển khai thực hiện trên cổng thông tin điện tử của mình và Trang thông tin điện tử hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa của Bộ Tư pháp.

Việc lựa chọn, ký hợp đồng, đánh giá kết quả thực hiện và thanh lý hợp đồng với cơ quan, tổ chức, cá nhân có chức năng cung cấp dịch vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa để triển khai các hoạt động của chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được thực hiện theo quy định của pháp luật đấu thầu và pháp luật có liên quan.

Bên cạnh đó, cần lưu ý là căn cứ vào nội dung, nguồn lực của chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và nhu cầu hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp nhỏ và vừa thành viên, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp có thể đề xuất chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do mình chủ trì thực hiện theo đúng nội dung chương trình hỗ trợ, pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nêu trên; trên cơ sở đó, bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hỗ trợ kinh phí nhưng tối đa không quá 50% kinh phí thực hiện chương

trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do tổ chức đại diện cho doanh nghiệp đề xuất từ nguồn kinh phí thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nêu trên. Kinh phí còn lại do tổ chức đại diện cho doanh nghiệp tự chi trả hoặc từ nguồn xã hội hóa, huy động từ các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp để thực hiện. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng việc lựa chọn, ký hợp đồng, đánh giá kết quả thực hiện và thanh lý hợp đồng với tổ chức đại diện cho doanh nghiệp nhỏ và vừa như vậy phải được thực hiện theo quy định của pháp luật đấu thầu và pháp luật có liên quan (Điều 13 Nghị định).

4. Tổ chức thực hiện hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Nghị định quy định một số nội dung về:

- Trách nhiệm tổ chức thực hiện (Điều 14);
- Đảm bảo nguồn lực thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (Điều 15);
- Kiểm tra, giám sát hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (Điều 16);
- Đánh giá hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (Điều 17).

5. Điều khoản thi hành

Điều khoản thi hành có 04 điều, quy định về chuyển tiếp (Điều 18); hỗ trợ pháp lý cho đối tượng không phải là doanh nghiệp nhỏ và vừa (Điều 19); Hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành (Điều 20-21). Trong đó, cần lưu ý:

- Về quy định chuyển tiếp, hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa đã được triển khai thực hiện trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện theo nội dung, chương trình, kế hoạch, dự án đã được phê duyệt đến hết thời hạn theo quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

Về hỗ trợ pháp lý cho đối tượng không phải là doanh nghiệp nhỏ và vừa, như đã nêu ở nội dung về phạm vi điều chỉnh của Nghị định, tùy thuộc vào nguồn lực, các bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp có thể quyết định áp dụng các quy định về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa để hỗ trợ pháp lý cho tổ chức, cá nhân kinh doanh không phải là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO THỰC HIỆN HIỆU QUẢ NGHỊ ĐỊNH

1. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước

1.1. Bộ Tư pháp

- Thống nhất quản lý nhà nước về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi cả nước;
- Xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- Tham gia ý kiến đối với hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa của bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khi có yêu cầu, trong đó có việc xây dựng, phê duyệt và thực hiện chương trình hoặc nội dung chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh;
- Xây dựng, thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- Tổ chức xây dựng, quản lý, cập nhật Trang thông tin điện tử hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- Tổ chức đánh giá độc lập hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- Định kỳ 05 năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tổ chức tổng kết, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

1.2. Bộ Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

1.3. Bộ, cơ quan ngang bộ

- Cập nhật cơ sở dữ liệu về pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình quản lý liên quan đến doanh nghiệp nhỏ và vừa và gửi cho Bộ Tư pháp;
- Xây dựng và tổ chức thực hiện nội dung chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa để cung cấp thông tin, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình quản lý trong Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi của bộ, cơ quan ngang bộ theo quy định tại Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hoặc văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định này;

- Xây dựng mục hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên cổng thông tin điện tử của mình và kết nối tới Trang thông tin điện tử hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

- Tổng hợp, gửi báo cáo kết quả hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình quản lý theo yêu cầu của Bộ Tư pháp để tổng hợp báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

1.4. Chính quyền địa phương cấp tỉnh

- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành chính sách về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương; bảo đảm nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương để thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương; gửi báo cáo kết quả hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi địa phương theo yêu cầu của Bộ Tư pháp để tổng hợp báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Về kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.2.1. Về kiểm tra, giám sát

Cơ quan, tổ chức chủ trì thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa có quyền kiểm tra, giám sát việc thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật. Nội dung kiểm tra, giám sát bao gồm:

- Chất lượng, đối tượng thụ hưởng của hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

- Việc thực hiện trình tự, thủ tục, nội dung hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; việc tiếp thu, phản hồi ý kiến phản ánh của doanh nghiệp về kết quả thực hiện hoạt động này;

- Việc chấp hành pháp luật trong quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

1.2.2. Về đánh giá

- Cơ quan, tổ chức chủ trì thực hiện việc xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật cơ sở dữ liệu về pháp luật, chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tổ chức đánh giá kết quả thực hiện, tác động đối với đối tượng được hỗ trợ và công khai kết quả đánh giá tại mục hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên cổng thông tin điện tử của mình.

- Việc tổng hợp ý kiến phản hồi của doanh nghiệp nhỏ và vừa thụ hưởng hoạt động hỗ trợ pháp lý là cơ sở đánh giá hiệu quả của hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Định kỳ 05 năm Bộ Tư pháp có trách nhiệm tổ chức tổng kết, đánh giá hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

3. Về bảo đảm về nguồn lực

Nghị định đã quy định cụ thể trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh trong việc đảm bảo nguồn nhân lực, tài chính cho công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Cụ thể, kinh phí bảo đảm cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do ngân sách nhà nước đảm bảo, được bố trí trong dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hàng năm trên cơ sở kế hoạch triển khai hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa của bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước (khoản 2 Điều 15 Nghị định). Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được huy động, sử dụng kinh phí tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật. Bộ Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Về nhân lực thực hiện, khoản 1 Điều 15 Nghị định quy định: “Tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan ngang bộ làm đầu mối triển khai hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định này, xây dựng mạng lưới tư vấn viên pháp luật của bộ, cơ quan ngang bộ. Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương làm đầu mối thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định này; giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và chủ trì thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi địa phương”. Tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan ngang bộ và các địa phương được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế. Như vậy, nguồn nhân lực thực hiện là không đổi; tuy nhiên cần nâng cao năng lực, chất lượng thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

V. MỘT SỐ LƯU Ý VỀ TRIỂN KHAI THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Đối với bộ, cơ quan ngang bộ

- Tổ chức phổ biến, quán triệt việc thực hiện Nghị định số 55/2019/NĐ-CP;

- Cử đầu mối của tổ chức pháp chế để triển khai hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định này, xây dựng mạng lưới tư vấn viên pháp luật của bộ, cơ quan ngang bộ;
- Xây dựng và ban hành Kế hoạch triển khai hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa của bộ, cơ quan ngang bộ;
- Bố trí kinh phí bảo đảm cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do ngân sách nhà nước đảm bảo, được bố trí trong dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hàng năm;
- Lồng ghép các nội dung của chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vào Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của bộ, cơ quan ngang bộ theo quy định tại Nghị định số 39/2018/NĐ-CP;
- Cập nhật cơ sở dữ liệu về pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình quản lý liên quan đến doanh nghiệp nhỏ và vừa và gửi cho Bộ Tư pháp;
- Xây dựng mục hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên cổng thông tin điện tử của mình và kết nối tới Trang thông tin điện tử hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- Tổng hợp, gửi báo cáo kết quả hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình quản lý theo yêu cầu của Bộ Tư pháp để tổng hợp báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Đối với chính quyền địa phương cấp tỉnh

- Tổ chức phổ biến, quán triệt việc thực hiện Nghị định số 55/2019/NĐ-CP;
- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành chính sách về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương;
- Bảo đảm nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương để thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- Giao Sở Tư pháp làm đầu mối triển khai hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi đại phương;
- Xây dựng và ban hành Kế hoạch triển khai hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa của địa phương;
- Xây dựng và đề xuất chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi địa phương để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;
- Tổ chức thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương; gửi báo cáo kết quả hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

trong phạm vi địa phương theo yêu cầu của Bộ Tư pháp để tổng hợp báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

3. Đối với tổ chức đại diện cho doanh nghiệp

- Căn cứ vào nội dung, nguồn lực của chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định này và nhu cầu hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp nhỏ và vừa thành viên, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp có thể đề xuất chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do mình chủ trì thực hiện theo đúng nội dung chương trình hỗ trợ, pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định;

- Huy động các nguồn lực để hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thành viên;

- Tham gia xây dựng, phản biện, triển khai chính sách liên quan đến hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; tham gia đánh giá cơ sở dữ liệu về pháp luật và chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

4. Đối với doanh nghiệp

- Phối hợp với các cơ quan nhà nước và tổ chức đại diện cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong việc thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định này;

- Thực hiện đúng và đầy đủ các quy định có liên quan, trình tự, thủ tục để thụ hưởng hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Nghị định này;

- Thụ hưởng hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, phục vụ hoạt động kinh doanh của mình.

5. Đối với tư vấn viên pháp luật

- Luật sư, tổ chức hành nghề luật sư, tư vấn viên pháp luật, trung tâm tư vấn pháp luật đủ điều kiện hành nghề tư vấn pháp luật theo quy định của pháp luật, tự nguyện thông báo tham gia và được bộ, cơ quan ngang bộ công bố công khai (sau đây gọi là tư vấn viên pháp luật) để hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Bảo đảm các điều kiện hành nghề tư vấn pháp luật và thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật liên quan đến tư vấn viên pháp luật đó khi tham gia mạng lưới tư vấn viên pháp luật./.
